

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM XUYÊN

RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

II. THỦ TỤC TẶNG DANH HIỆU “CHIẾN SỸ THI ĐUA CƠ SỞ”

1. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC HIỆN TẠI

[illegible]

3.3	Chi phí khác								0	0	
4	Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)								0	0	
		Hoạt động 1							0	0	
		Hoạt động n							0	0	
5	Công việc khác (nếu có)								0	0	
6	Nhận kết quả	Trực tiếp	1	32.386	0	0	1	94	32386	3.044.284	
		Bưu điện									
		Internet									
		Khác									
TỔNG									506.983	49.726.334	

2. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC SAU ĐƠN GIẢNH HÓA

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/ 01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/01 năm	Ghi chú
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1.1	Thành phần HS 1: Tờ trình đề nghị khen thưởng;	Soạn thảo văn bản	1,5	32.386	0	0	1	94	49.579	4.660.426	
		Duyệt văn bản	0,5	32.386	0	0	1	94	16.193	1.522.142	
		Ban hành văn bản	0,5	32.386	0	0	1	94	16.193	1.522.142	
1.2	Thành phần HS 2: Danh sách đề nghị khen thưởng kèm nội dung tóm tắt thành tích của các tập thể được đề xuất	Lập danh sách	4	32.386	0	0	1	94	130.544	12.271.136	
1.3	Thành phần HS 3: Biên bản họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng	Tổ chức họp	4	32.386	0	0	1	94	129.544	12.177.136	
		Lập biên bản cuộc họp	2	32.386	0	0	1	94	65.772	6.182.568	

2	Nộp hồ sơ	Trực tiếp	1	32.386	0	0	1	94	32.386	3.044.284	
		Bưu điện							0	0	
		Internet							0	0	
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác								0	0	
3.1	Phí								0	0	
3.2	Lệ phí								0	0	
3.3	Chi phí khác								0	0	
4	Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)								0	0	
		Hoạt động 1							0	0	
		Hoạt động n							0	0	
5	Công việc khác (nếu có)								0	0	
6	Nhận kết quả	Trực tiếp	1	32.386	0	0	1	94	32.386	3.044.284	
		Bưu điện									
		Internet									
		Khác									
TỔNG									472.597	44.424.118	

3. SO SÁNH CHI PHÍ

Chi phí hiện tại

49.726.334

Chi phí sau đơn giản hóa

44.424.118

Chi phí tiết kiệm được

5.302.216

Tỷ lệ chi phí cắt giảm

10,66279288

